



**TAN CANG
LONG BINH ICD**

TRUST IS ALL

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG LONG BÌNH**

Đồng Nai, tháng 04 năm 2021



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty CP ICD Tân Cảng Long Bình
Năm báo cáo: 2020

I. Thông tin chung

1. *Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3601033213 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư Đồng Nai cấp lần đầu ngày 23/07/2008, cập nhật thay đổi lần 7 ngày 05/05/2020.
- Vốn điều lệ: 245.022.245.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: ./.
- Địa chỉ: Số 10 Phan Đăng Lưu, KP7, phường Long Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
- Số điện thoại: 02516 255 999
- Số fax/Fax: 02516 501 826
- Website: www.icdlongbinh.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): **ILB, Sàn giao dịch chứng khoán TP HCM**

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay.)

7/8/2008: Thành lập Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình thực hiện dự án đầu tư cảng ICD Tân Cảng Long Bình thuộc khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình, hoạt động trong lĩnh vực kho, bãi, dịch vụ cảng ICD, các dịch vụ giá trị gia tăng khác trong lĩnh vực giao nhận nhằm cung ứng một chuỗi logistics cho khách hàng có nhu cầu xuất nhập hàng hóa thông qua cảng ICD Tân Cảng Long Bình. Vốn điều lệ là 150 tỷ

27/7/2009: thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan cảng nội địa tại Đồng Nai với diện tích 77,958ha theo Quyết định số 1794/QĐ – BTC của Bộ Tài Chính

15/09/2009: thành lập và đi vào hoạt động kho ngoại quan số 1 diện tích 9.000m² theo quyết định số 1815/QĐ – TCHQ của Tổng cục hải quan

10/03/2010: Khai trương điểm kiểm hóa tập trung tại ICD Tân Cảng Long Bình theo Quyết định số 206/QĐ – TCHQ của Tổng cục Hải quan

Tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 187 tỷ đồng

27/4/2015: mở rộng địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa tại Đồng Nai với diện tích 25ha theo Quyết định số 1278/QĐ – TCHQ của Tổng cục hải quan.

Tổng diện tích ICD sau khi mở rộng: 105ha

12/2015: đưa kho số 20 diện tích 32.400m² đi vào hoạt động

3/2016: đưa Trung tâm phân phối Neslte khu vực phía Nam, với diện tích là 19.600m² kho, là trung tâm phân phối các sản phẩm của Tập đoàn Neslte Việt Nam tại khu vực phía Nam, sử dụng hệ thống craking bán tự động và ứng dụng CNTT trong hoạt động điều hành kho bãi.

12/2017: tiếp nhận cơ sở hạ tầng 76ha tại Khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình, giai đoạn 2, mục tiêu xây dựng trung tâm phân phối nguyên nhiên liệu và các sản phẩm từ gỗ.

9/2018: tăng vốn điều lệ từ 187.000.000.000 đồng lên 245.022.450.000 đồng.

5/2019: Cổ phiếu công ty CP ICD Tân Cảng Long Bình với số lượn chính thức giao dịch trên thị trường chứng khoán TPHCM (HOSE).

1/2021: Khai trương Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu tại ICD Long Bình

Trong năm 2020 Công ty vẫn đang thực hiện chuyển đổi Điểm thông quan nội địa (ICD) sang Cảng cạn và dự kiến công bố ICD Tân Cảng Long Bình thành Cảng cạn Tân Cảng Long Bình.

Tính đến hiện nay, Công ty CP ICD Tân Cảng Long Bình đã đưa vào hệ thống kho, bãi với quy mô diện tích hơn 430.000m² bao gồm đa dạng các loại hình kho (kho ngoại quan, kho phân phối, kho CFS...), đa dạng hàng hóa lưu trữ trong kho và một số hệ thống kho có yêu cầu đặc thù (kho chứa hàng hóa chất, kho lạnh, kho mát...) đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, bảo đảm nguồn cung cho thị trường logistics.

- Các sự kiện khác:./.

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:./.*

- Ngành nghề kinh doanh:

- + Dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa
- + Dịch vụ logistics
- + Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, container
- + Các dịch vụ hỗ trợ vận tải, logistics khác

- Địa bàn kinh doanh: Long Bình, Đồng Nai.

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*

- Mô hình quản trị: ĐHCĐ, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

ICD Long Bình bao gồm 05 thành viên Hội đồng quản trị, trong đó Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách và 1 thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Hội đồng quản trị bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty để bảo đảm hoạt động của Hội đồng quản trị theo đúng quy định pháp luật, là kênh thông tin trao đổi giữa cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Cơ cấu bộ máy quản lý gồm.

Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình được điều hành bởi Ban Giám đốc gồm có Giám đốc và 02 phó Giám đốc.

Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của ICD và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ, chính sách của Nhà nước và điều lệ của Công ty.

Bao gồm:

Phan Anh Tuấn – Giám đốc

Đoàn Thị Hằng – Phó giám đốc

Đoàn Hồng Phương – Phó giám đốc

Hiện tại Công ty được chia thành 08 Phòng chức năng:

Phòng Tổ chức hành chính

Phòng Tài chính kế toán

Phòng Kế hoạch kinh doanh

Khu kho hàng

Phòng điều độ

Phòng cơ giới xếp dỡ

Phòng kỹ thuật công trình

Trung tâm an ninh

- Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con: Công ty cổ phần Tiếp Vận Thành Long

Ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh dịch vụ kho bãi và các dịch vụ giá trị gia tăng kết nối với dịch vụ kho, bãi

Vốn điều lệ: **40.000.000.000** đồng

Tỷ lệ góp vốn của ICD: 51%/vốn điều lệ

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Vì Khách hàng: với phương châm kinh doanh “Niềm tin là tất cả. Chất lượng hàng đầu, lợi nhuận đi đôi”, ICD Tân Cảng Long Bình luôn cung cấp dịch vụ hoàn hảo và gia tăng giá trị gia tăng cho khách hàng (VAS), luôn đồng hành cùng khách hàng, hợp tác cùng phát triển, nâng cao chuỗi cung ứng nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng ngày càng đa dạng và phong phú.

- Vi Nhân viên: môi trường làm việc thân thiện, công bằng và đời sống ngày càng nâng cao.
- Vi Cổ đông: tốt đa hóa lợi nhuận cổ đông và nâng cao giá trị doanh nghiệp.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tập trung vào ngành nghề kinh doanh cốt lõi; giữ vị thế là đơn vị có quy mô dịch vụ về kho bãi cung ứng lớn nhất khu vực Đồng Nai; Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu. Đến năm 2025, tổng diện tích kho hàng đạt khoảng 650,000 m²; Trong đó có 4,000 m² kho mát mới trong giai đoạn 2021 - 2023, trong điều kiện thuận lợi đạt 10,000 m² tới năm 2025; 14,400 m² kho hóa chất mới tới năm 2025; tỉ lệ phủ kín kho trung bình 95%.

Khai thác hiệu quả dịch vụ container; phân đầu sản lượng container thông qua ICD đạt trung bình 100,000 teus mỗi năm từ năm 2025. Đưa ICD trở thành cánh tay nối dài của các cảng hệ thống SNP.

Tỉ lệ tham gia khai thác dịch vụ, cung ứng cho đối tác đạt trên 80% về số lượng, trong đó quản lý 100% cho khách hàng đạt tỷ lệ 50%.

- Ứng dụng công nghệ trong khai thác, nâng cao NSLĐ, giảm chi phí dịch vụ cho khách hàng để gia tăng sức cạnh tranh trong ngành. Từng bước gia tăng sức chứa, phục vụ một số ngành hàng có tính đặc thù cần hệ thống giá kệ và tùy biến theo nhu cầu khách hàng tại từng thời điểm.
- Khai thác hiệu quả dịch vụ container; phân đầu sản lượng container thông qua ICD đạt trung bình 100,000 teus mỗi năm từ năm 2025. Đưa ICD trở thành cánh tay nối dài của các cảng hệ thống SNP.
- Chất lượng dịch vụ: an toàn, trung thực, minh bạch, liên tục cải tiến công nghệ và hạ tầng phục vụ KH như các phần mềm CNTT: WMS (quản lý kho), CMS (quản lý bãi và khai thác container) và TOPO (hệ thống container cảng) và hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015. Ứng dụng công nghệ trong khai thác, nâng cao NSLĐ, giảm chi phí dịch vụ cho khách hàng để gia tăng sức cạnh tranh trong ngành. Từng bước gia tăng sức chứa, phục vụ một số ngành hàng có tính đặc thù cần hệ thống giá kệ và tùy biến theo nhu cầu khách hàng tại từng thời điểm.
- Chất lượng nhân viên: liên tục đào tạo nâng cao về nghiệp vụ và tâm huyết cùng với sự phát triển của công ty, chuyển đổi số trong công tác quản trị phát triển nguồn nhân lực. Nhân sự là vị trí trung tâm trong việc thực hiện các chiến lược, tầm nhìn trung và dài hạn của công ty,

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Ý thức được rằng hoạt động kinh doanh để mang lại lợi ích kinh tế phải đi đôi với ý thức cao trong trách nhiệm cộng đồng, ICD luôn tham gia hoạt động xã hội và các phong trào do Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, Quân chủng Hải quân và Bộ Quốc Phòng tổ chức.

- Thực hiện trích ngày lương doanh nghiệp cho Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ xã hội từ thiện các chương trình dân vận của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, Quân chủng hải quân và Bộ Quốc Phòng
- Tham gia ủng hộ cho các tổ chức đoàn thể tại địa phương “Chung một tấm lòng”, “Trái tim nhân đạo”, các hoạt động tình nguyện mang tính cộng đồng và địa phương trên địa bàn đóng quân, góp phần xây dựng địa bàn tại đơn vị trong thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo, chính sách chăm lo đời sống cho công nhân, lao động trên địa bàn, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, công tác dân vận trên địa bàn phường Phước Tân và phường Long Bình.
- Phối kết hợp với các lực lượng quân đội trên địa bàn bảo đảm công tác an ninh, dân vận và gắn liền với cộng đồng, vì sự bình yên của cộng đồng cũng như cụ thể hóa chính sách đại đoàn kết toàn dân, mối quan hệ gắn kết giữa quân và dân.
- Tất cả các hoạt động cộng đồng đều trích từ nguồn quỹ phúc lợi của công ty với mục tiêu cùng với địa bàn đóng quân chung tay, chung sức đồng lòng vì một xã hội tiến bộ và tốt đẹp.

5. Các rủi ro:

- Rủi ro về kinh tế vĩ mô: sự tăng trưởng/suy giảm của nền kinh tế nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng đều tác động, ảnh hưởng của các chính sách thương mại của các quốc gia lớn trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc, Tây Âu...ngày càng rõ nét/
- Rủi ro chính sách: chính sách điều hành của Chính phủ, các Bộ/ngành liên quan như Bộ Công Thương, Bộ giao thông vận tải, Tổng cục Hải quan... về hoạt động xuất nhập khẩu ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của công ty. Ngoài ra còn ảnh hưởng đến chính sách của chính quyền địa phương cũng ảnh hưởng đến hoạt động công ty thông qua quy hoạch, đầu tư....
- Rủi ro về pháp lý: Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật thuế, hệ thống quy định pháp luật quân đội. Là doanh nghiệp đại chúng hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật đặc biệt là trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra, bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty

TT	Chỉ tiêu	2020	2019	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	455.588.881.893	418.163.058.976	108,95%

TT	Chỉ tiêu	2020	2019	Tỷ lệ %
2	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	85.791.385.874	82.421.643.561	104,09%
3	Lợi nhuận khác	46.222.350	(602.517.221)	-7,67%
4	Lợi nhuận trước thuế	85.837.608.224	81.819.126.340	104,91%
5	Lợi nhuận sau thuế	69.268.439.101	65.345.150.907	106,00%
6	Tỷ lệ cổ tức	15%	15%	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2020)

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty

TT	Chỉ tiêu	2020	2019	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	431.027.392.799	385.565.789.626	111,79%
2	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	75.499.659.185	72.179.153.375	104,60%
3	Lợi nhuận khác	57.717.229	(589.018.043)	-9,80%
4	Lợi nhuận trước thuế	75.557.376.414	71.590.135.332	105,54%
5	Lợi nhuận sau thuế	60.990.721.688	57.814.929.265	105,49%
6	Tỷ lệ cổ tức	15%	15%	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2020)

(*) Tỷ lệ cổ tức 2020 là dự kiến, tỷ lệ cổ tức 2020 sẽ được thông qua ĐHĐCĐ thường niên 2021.

Năm 2020 là một năm nhiều khó khăn cho ngành logistics do ảnh hưởng chung bởi đại dịch Covid trên toàn cầu. Hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp bị ảnh hưởng, lượng hàng tồn kho trong chuỗi cung ứng tăng cao làm gia tăng nhu cầu thuê ngoài về dịch vụ kho bãi để lưu trữ hàng hóa trong thời gian ngắn hạn. Sự cạnh tranh về ngành logistics đòi hỏi ICDLB phải có các chiến lược kinh doanh để có thể giữ chân các đối tác, khách hàng hiện tại và cạnh tranh trong tương lai.

Để nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển các dịch vụ, ICDLB luôn chú trọng công tác cải tiến chất lượng dịch vụ, đưa ra nhiều giải pháp trọn gói, dịch vụ chuỗi nhằm đáp ứng tốt nhất cho khách hàng và làm gia tăng sự hài lòng của khách hàng trong quá trình sử dụng dịch vụ logistics tại công ty, kết quả đạt được từ việc ký kết hợp đồng với trên 35 khách hàng mới trong năm, trong đó có thể kể đến các khách hàng mới như: Hải Nam 12.000m², Timberland 14.000m², DHL 14.400m², Yupong 9.900m², Ceva logs, Artical Furniture v.v...

Trong năm công ty đưa khai thác Địa điểm tập kết kiểm tra giám sát hàng hóa và dịch vụ bãi container, Đây được xem là sự thành công bước đầu trong dịch vụ khai thác bãi và cũng chính là cơ sở phát triển thêm về quy mô và các dịch vụ giá trị gia tăng gắn kết với hoạt động khai thác bãi trong năm 2021.

Tuy nhiên năm 2020 ICD LB cũng gặp nhiều khó khăn bởi các yếu tố khách quan, chủ quan đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của công ty, cụ thể:

- Hàng hóa luân chuyển chậm, thời gian lưu kho kéo dài, ảnh hưởng tới chi phí logistics của chủ hàng và hiệu suất khai thác của kho hàng.

- Dịch vụ giao nhận container tại bãi ICD mới, số lượng hăng tàu còn ít, khách hàng chưa có nhiều lựa chọn để tối ưu phương tiện vận tải, sử dụng dịch vụ hạ bãi chờ xuất chưa nhiều.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành.

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm
1	Phan Anh Tuấn/ Giám đốc	12/01/1985	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	29/04/2020
2	Đoàn Thị Hằng/ Phó giám đốc	29/05/1977	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	02/04/2018
3	Đoàn Hồng Phương/ Phó giám đốc	05/06/1974	Cử nhân kinh tế vận tải biển	19/11/2019
4	Lê Quỳnh Quang/ Kế toán trưởng	27/03/1982	Cử nhân Tài chính kế toán	13/05/2020

(*) Tính đến 31/12/2020

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm):

Miễn nhiệm ông Trần Triệu Phú, chức danh Giám đốc

Miễn nhiệm ông Nguyễn Đức Khiêm, Kế toán trưởng Công ty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động: không có sự thay đổi

Tính đến tháng 12/2020: 248 cán bộ, nhân viên (chưa bao gồm khối CBNV tham gia tại các công ty thành viên và các hợp tác kinh doanh).

Chính sách đối với người lao động tại Công ty được thực hiện đúng theo quy định pháp luật hiện hành, phúc lợi và chế độ đãi ngộ tốt, thực hiện theo chính sách lương thưởng của hệ thống Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (Công ty mẹ).

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên dự án	Vốn đầu tư đã thực hiện			Thời gian thực hiện đầu tư
		Tổng	Vốn chủ sở hữu	Vốn huy động	
A	CSHT				
1	Cụm kho hóa chất	46.481	17.081	29.400	Quý 1 – 3 năm 2020
2	Kho số 24/ Khu 36ha				Quý 3/2020
3	Kho số 25/ Khu 36ha				Quý 3/2020
B	Trang thiết bị tài sản				
1	Hệ thống camera Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát an ninh (18 camera)	948,098	948,098		Quý 1/2020
2	Nâng cấp hệ thống camera kho ngoại quan	1007,48	1.850		Quý 2/2020

b) Các công ty con, công ty liên kết

Công ty con: Công ty TV Thành Long, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602427771 ngày 24 tháng 12 năm 2010, thay đổi lần thứ nhất ngày 02 tháng 07 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp,

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long 20.400.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

ĐVT:đồng

TT	Chỉ tiêu	2019	2020
1	Tài sản ngắn hạn	22.541.507.331	23.350.221.241
2	Tài sản dài hạn	83.737.919.901	78.919.466.463
3	Nợ phải trả	40.549.237.998	32.710.803.221
4	Vốn chủ sở hữu	65.730.189.234	69.558.884.483
5	Lợi nhuận sau thuế	10.590.221.642	11.337.717.413
6	Hiệu quả sử dụng vốn		

TT	Chỉ tiêu	2019	2020
a.	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH	16,11%	16,30%
b.	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản	9,80%	10,87%

Công ty liên kết: Công ty CP đầu tư ICD Tân Long, theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603419910 ngày 08 tháng 11 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Công ty đã đầu tư 2.000.000.000 VND, tương đương 8% vốn điều lệ.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Phần công ty mẹ:

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	2019	2020
Tổng tài sản	1.455.293.152.716	1.396.879.489.417
Tài sản ngắn hạn	286.474.040.308	241.257.021.073
Tài sản dài hạn	1.168.819.112.408	1.155.622.468.344
Nguồn vốn	1.455.293.152.716	1.396.879.489.417
Nợ phải trả	1.072.111.729.506	1.003.230.685.501
Nguồn VSH	383.181.423.210	393.648.803.916
Vốn điều lệ	245.022.450.000	245.022.450.000
Lợi nhuận sau thuế	57.814.929.265	60.990.721.688

Chỉ tiêu tài chính hợp nhất:

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	2019	2020
Tổng tài sản	1.503.925.585.219	1.439.488.491.575
Tài sản ngắn hạn	308.760.541.133	261.402.477.395
Tài sản dài hạn	1.195.165.044.086	1.178.086.014.180
Nguồn vốn	1.503.925.585.219	1.439.488.491.575
Nợ phải trả	1.075.413.972.775	996.680.803.176
Nguồn VSH	428.511.612.444	442.807.688.399

CHỈ TIÊU	2019	2020
Vốn điều lệ	245.022.450.000	245.022.450.000
Lợi nhuận sau thuế	65.345.150.907	69.268.439.101

*b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
Hợp nhất*

TT	Chỉ tiêu	2019	2020
1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	19,44%	18,69%
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu	19,38%	19,70%
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE)	15,25%	15,64%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA)	4,71%	4,71%
5	Hệ số khả năng thanh toán hiện thời	0,98	0,85
6	Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	2,55	2,29
7	Tỷ trọng vốn vay/tổng nguồn vốn	27,95%	25,79%
8	Tỷ trọng lãi tiền vay/tổng chi phí	8,50%	8,81%
9	Tỷ trọng nợ phải thu khó đòi/tổng nợ phải thu	0,32%	0,97%

Công ty mẹ:

TT	Chỉ tiêu	2019	2020
1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	19,44%	18,69%
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu	19,38%	19,70%
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE)	15,25%	15,64%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA)	4,71%	4,71%
5	Hệ số khả năng thanh toán hiện thời	0,98	0,85
6	Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	2,55	2,29
7	Tỷ trọng vốn vay/tổng nguồn vốn	27,95%	25,79%
8	Tỷ trọng lãi tiền vay/tổng chi phí	8,50%	8,81%
9	Tỷ trọng nợ phải thu khó đòi/tổng nợ phải thu	0,32%	0,97%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 24.502.245 cổ phần

Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông

Tính đến 31/12/2020:

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật: 0

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)			Số lượng tổ chức, cá nhân		
			Tổng	Tổ chức	Cá nhân	Tổng	Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn	14.450.000	58,97	58,97	0	2	2	0
	- Trong nước(*)	14.450.000	58,97	58,97	0	2	2	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0	0	0
3	Công đoàn	0	0	0	0	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0	0	0
4	Cổ đông khác	10.052.245	41,03	5,29	35,74	1.604	8	1.596
	- Trong nước	10.052.245	41,03	5,29	35,74	1.604	8	1.596
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0	0	0
4	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0	0	0
5	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0	0	0	0
TỔNG CỘNG		24.502.245	100	64,26	35,74	1.606	10	1.596
<i>Trong đó: - Trong nước</i>		<i>24.502.245</i>	<i>100</i>	<i>64,26</i>	<i>35,74</i>	<i>1.606</i>	<i>10</i>	<i>1.596</i>
<i>- Nước ngoài</i>		<i>0</i>	<i>0</i>		<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>

(Tính đến thời điểm 31/12/2020)

(*) Trong đó Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn/ Quân chủng Hải quân/ Bộ quốc phòng nắm giữ 12.575.000 cổ phiếu tương đương 51,32%/Vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài: 0%.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: trong năm 2020 không phát sinh thay đổi vốn điều lệ

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không phát sinh

e) Các chứng khoán khác: không phát sinh

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: chưa phát sinh

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không phát sinh

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 600.000 l/năm phục vụ cho các xe nâng kho, xe nâng con và máy phát điện

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không phát sinh.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Điện năng bình quân: 1.500.000 kwh/tháng; nhiên liệu (xăng, dầu, nhớt): bình quân 4.000 l/tháng

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: trong năm 2020 thực hiện hệ thống năng lượng mặt trời áp mái kho, đưa vào hoạt động từ 01/01/2021 trên cơ sở hợp tác, cho thuê mái đối với các đơn vị năng lượng sạch; sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường, không gây cháy, nổ, không ảnh hưởng đến mái nhà cũng như không gây ảnh hưởng đến công trình khác. Toàn bộ các vật tư thiết bị sử dụng cho công trình đều đảm bảo thân thiện với môi trường, không gây cháy nổ. Việc hợp tác này góp phần bảo đảm Công ty sử dụng tối ưu và hiệu quả điện năng; hướng đến tiêu chí “càng xanh, thân thiện với môi trường”, tiết giảm chi phí sử dụng điện, phù hợp chiến lược phát triển giai đoạn 2021 -2025.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng: ./.

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn cung cấp nước: Công ty CP cấp nước Biên Hòa

Lượng nước bình quân: 14.000 m³/tháng

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không phát sinh

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không vi phạm

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không phát sinh.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020
Người quản lý			
Quỹ lương	Triệu đồng	2.938,92	2.836,04
Tiền lương BQ	Triệu đồng/người	40,82	39,39
Thu nhập BQ	Triệu đồng/người	45,90	48,61
Người lao động			
Quỹ lương	Triệu đồng	32.733,89	35.868,96
Tiền lương BQ	Triệu đồng/người	13,18	13,11
Thu nhập BQ	Triệu đồng/người	16,80	17,08

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Tuân thủ các quy định pháp luật lao động, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, cụ thể:

- Chế độ lương, thưởng căn cứ vào thực hiện sản xuất kinh doanh và hiệu quả, năng lực làm việc của người lao động
- Chính sách trang bị bảo hộ lao động, đồng phục, áo mưa cho người lao động
- Chính sách khám và bảo đảm sức khỏe người lao động thông qua Trung tâm y tế Cảng.
- Chính sách về tham quan du lịch, các chế độ phúc lợi cho người lao động như trợ cấp ốm đau, thai sản, chế độ hiếu, hi
- Chính sách huấn luyện an toàn lao động và PCCN hàng năm, thực hiện định kỳ
 - Hội thao tay nghề giỏi hàng năm
 - Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao dành cho người lao động nhân các ngày lễ và kỷ niệm thành lập công ty
 - Các hoạt động tình nguyện thanh niên

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Với chỉ đạo thực thi chủ trương không ngừng huấn luyện đào tạo và học hỏi của TCT cũng như Ban Lãnh đạo thực hiện công tác đào tạo thường xuyên bao gồm tại chỗ và đào tạo tại các trường STC, các Trung tâm đào tạo liên kết với TCT với phương châm “Chuyên sâu, thực chất, chuyên nghiệp và trở thành doanh nghiệp học tập”

Đồng thời, việc chọn lọc và tuyển dụng nhân sự có nghiệp vụ chuyên môn, quản lý đạt chất lượng cao, so với những năm trước đây, năng lực và trình độ nhân sự của công ty đã có nhiều tiến bộ, khả năng nắm vững quy trình điều hành, quản

lý đã nâng lên tầm mới, việc kiểm soát chi phí kịp thời, cùng sự phối hợp điều phối kinh doanh - sản xuất nhịp nhàng đã đóng góp không nhỏ vào thành công của kế hoạch tiết giảm chi phí, là một trong các yếu tố mang lại hiệu quả kinh doanh cao

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: công tác dân vận tại địa phương: phường Long Bình, phường Phước Tân và UBND TP. Biên Hòa

Tổng số tiền hỗ trợ: 200.000.000, nguồn từ quỹ phúc lợi

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:./.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình kinh tế thế giới phức tạp ảnh hưởng và gây ra những khó khăn vô cùng lớn cho nền kinh tế thế giới do đại dịch Covid, ngành logistics VN vẫn có nhiều cơ hội trong năm 2020 khi làn sóng dịch chuyển đầu tư nước ngoài nhắm tới VN, làm gia tăng nhu cầu kho vận và logistics trong năm 2020.

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức song Công ty đã triển khai quyết liệt nhiều chủ trương giải pháp quản lý điều hành, triển khai thành công bước đầu mô hình Trung tâm an ninh kết nối hệ thống camera; hiệp đồng chặt chẽ với các LLVT, chính quyền địa phương trên địa bàn đóng quân, đảm bảo an ninh, an toàn đơn vị và an toàn hàng hóa. Hệ thống kho ICDLB đã khai thác trung bình trên 95% diện tích. ICDLB thực hiện 100% dịch vụ logistics kho hàng, dịch vụ vận tải, dịch vụ Logistics... Toàn bộ sản lượng hàng hóa xuất nhập qua 2 kho phải thông qua hệ thống cảng của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn.

Công ty tiếp tục tăng nguồn cung diện tích kho, kết nối với hệ thống kho hiện hữu; bảo đảm giữ vững thị phần của ICDLB, thương hiệu Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn trong Khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam

Kết quả thực hiện: Công ty vượt chỉ tiêu so với Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020 đề ra trong 1 năm đầy khó khăn.

- Những tiến độ đạt được: ứng dụng từng bước chuyển đổi số trong công tác quản trị điều hành: Giám sát hoạt động ra/vào cổng ICDLB, quản trị nhân sự, nâng cấp phần mềm quản lý kho.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản hợp nhất

Chỉ tiêu	2020	2019
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	261.402.477.395	308.760.541.133
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	147.227.635.195	88.769.441.384
1. Tiền	81.727.635.195	53.269.441.384

Chỉ tiêu	2020	2019
2. Các khoản tương đương tiền	65.500.000.000	35.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	113.054.467.595	211.147.928.579
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	99.734.885.156	204.125.390.690
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	678.285.606
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	14.423.988.179	7.020.423.243
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(1.104.405.740)	(676.170.960)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
IV. Hàng tồn kho	-	-
1. Hàng tồn kho	-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	1.120.374.605	8.843.171.170
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	1.120.374.605	474.910.635
2. Thuế GTGT được khấu trừ	-	8.368.260.535
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	1.178.086.014.180	1.195.165.044.086
I. Các khoản phải thu dài hạn	630.000.000	630.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	-	-

Chỉ tiêu	2020	2019
6. Phải thu dài hạn khác	630.000.000	630.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	-	-
II. Tài sản cố định	774.163.512.636	786.182.823.634
1. Tài sản cố định hữu hình	773.742.495.137	785.958.203.072
- Nguyên giá	1.167.043.705.402	1.119.051.288.001
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(393.301.210.265)	(333.093.084.929)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
- Nguyên giá	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	421.017.499	224.620.562
- Nguyên giá	1.729.271.400	817.384.400
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(1.308.253.901)	(592.763.838)
III. Bất động sản đầu tư	-	-
- Nguyên giá	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	20.101.850.936	20.414.844.286
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	20.101.850.936	20.414.844.286
V. Đầu tư tài chính dài hạn	7.238.210.000	7.238.210.000
1. Đầu tư vào công ty con	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.238.210.000	7.238.210.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	375.952.440.608	380.699.166.166
1. Chi phí trả trước dài hạn	375.702.990.276	380.443.049.011
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	249.450.332	256.117.155
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	-	-
5. Lợi thế thương mại	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.439.488.491.575	1.503.925.585.219

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	2020	2019
A. NỢ PHẢI TRẢ	996.680.803.176	1.075.413.972.775
I. Nợ ngắn hạn	307.558.633.897	315.639.293.419
1. Phải trả người bán ngắn hạn	138.183.053.389	149.981.828.985
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.696.231	4.998.174
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.770.294.639	7.709.650.026
4. Phải trả người lao động	7.476.203.233	3.921.666.400
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	7.952.619.129	800.397.596
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	3.596.545.728	3.596.545.728
9. Phải trả ngắn hạn khác	64.918.304.963	85.604.058.123
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	73.157.430.368	60.688.279.318
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.497.486.217	3.331.869.069
13. Quỹ bình ổn giá	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-
II. Nợ dài hạn	689.122.169.279	759.774.679.356
1. Phải trả người bán dài hạn	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	132.759.955.529	136.356.590.021
7. Phải trả dài hạn khác	258.206.653.810	263.739.185.625
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	298.155.559.940	359.678.903.710
9. Trái phiếu chuyển đổi	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Chỉ tiêu	2020	2019
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	442.807.688.399	428.511.612.444
I. Vốn chủ sở hữu	442.807.688.399	428.511.612.444
1. Vốn góp của chủ sở hữu	245.022.450.000	245.022.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	245.022.450.000	245.022.450.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	93.986.186.492	84.773.845.798
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	69.715.198.510	66.507.523.921
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	14.158.370.941	66.507.523.921
- LNST chưa phân phối kỳ này	55.556.827.569	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	34.083.853.397	32.207.792.725
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
1. Nguồn kinh phí	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.439.488.491.575	1.503.925.585.219

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2020)

Các cơ hội, thách thức, rủi ro:

Cơ hội

Đơn vị đã triển khai đa dạng hóa dịch vụ gắn với dịch vụ lõi là khai thác Kho/Bãi; có thể cung cấp hầu hết các loại hình dịch vụ trong ngành.

Quy mô diện tích kho hàng, bãi hàng rộng lớn, nguồn cung sẵn có; chức năng các kho hàng, bãi hàng, bãi container hoàn thiện, sẵn sàng đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.

Môi trường kinh doanh tốt, thu hút đầu tư nước ngoài và nền kinh tế tăng trưởng ổn định tạo điều kiện cho các doanh nghiệp logistics phát triển nói chung và của đơn vị nói riêng.

Thương hiệu được biết đến và ngày càng có nhiều khách hàng là các công ty lớn trong ngành.

Thách thức

Đơn vị tiếp tục đối mặt với áp lực cạnh tranh lớn trong khu vực, đặc biệt là cạnh tranh từ các nhà đầu tư nước ngoài đang dần hình thành các cơ sở hạ tầng tại VN để tự khai thác.

Thay đổi công nghệ trong ngành ngày càng nhanh, đòi hỏi đơn vị phải thích nghi nhanh chóng để đáp ứng yêu cầu thị trường.

Duy trì dòng tiền lành mạnh trong những thời điểm khó khăn do ảnh hưởng của những sự kiện đột biến, bất ngờ: thiên tai, dịch bệnh, suy thoái kinh tế.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty chủ yếu các khoản vay trung dài hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Từng bước chuyển đổi số

- Ứng dụng phần mềm quản lý nhân sự
- Nâng cấp phần mềm quản lý kho.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Một là, luôn chú trọng công tác đảm bảo an ninh an toàn tuyệt đối toàn đơn vị, tạo điều kiện cần để ổn định SXKD. Đầu tư đúng mức cho công tác đảm bảo an ninh an toàn, đặc biệt là kiểm soát ra/vào, và PCCN.

Hai là, duy trì tỉ lệ khai thác phủ kín kho đạt từ 92% trở lên và gia tăng tỉ lệ khai thác dịch vụ trong kho:

Đảm bảo về chất lượng dịch vụ và đổi mới hoạt động chăm sóc khách hàng. Tiếp tục triển khai từng bước đầu tư các hệ thống công cụ hỗ trợ khai thác dịch vụ như: phương tiện, hệ thống kệ hàng, hệ thống camera an ninh. Đặc biệt là triển khai nhân rộng phần mềm quản lý kho Info.SCE cho các kho hàng phân phối; Công tác chăm sóc khách hàng đi sâu vào từng khách hàng, tạo các kênh kết nối trực tiếp khách hàng với BGD công ty, nhằm kịp thời tháo gỡ các vướng mắc của khách hàng, đặc biệt là vướng mắc về thủ tục hải quan, XNK để tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của khách hàng tại ICDLB. Đối với các dịch vụ GTGT trong kho mà nhân sự ICD chưa thể đáp ứng về giá, về năng suất: tìm kiếm đối tác hợp tác để có thể cung cấp dịch vụ tốt hơn cho khách hàng. Hạn chế để khách hàng thuê kho trần.

Ba là, phát triển dịch vụ container và bãi hàng, khai thác hiệu quả hoạt động kinh doanh logistics: Tập trung phát triển khai thác các dịch vụ từ Bãi hàng, Rỗng tại ICD LB (doanh thu mục tiêu 32,27 tỷ, chiếm 6,6% tổng doanh thu năm). Từng bước xây dựng dịch vụ container thành dịch vụ hỗ trợ cho kho hàng và ngược lại. Xây dựng chính sách cho từng nhóm khách hàng giao nhận container (Rỗng/Hàng) tại ICDLB. Phối hợp với các cơ quan TCT (MKT, SNPL, Kinh Doanh) xây dựng chính sách thu hút hãng tàu mở code tại Long Bình. Quy hoạch và tổ chức các dịch vụ giá trị gia tăng tại bãi: Dịch vụ hun trùng (Hàng xuất khẩu) tại bãi, dịch vụ đóng rút hàng, dịch vụ khai thuê hải quan, dịch vụ kiểm hóa... Tập trung vào các khu công nghiệp như : Tam Phước, Bàu Xéo, Sông Mỹ, Amata, Biên Hòa, Long Bình. Song song, chủ động huấn luyện đào tạo, tuyển dụng nhân sự kinh doanh, kết nối chặt chẽ với SNPL, MKT, các công ty tiếp vận để phát triển các dịch vụ logistics, tập trung vào các cty sản xuất lớn trong các KCN của Đồng Nai. Hợp tác với các đối tác là các công ty Logistics lớn, các hãng tàu, ICD, các nhà vận tải mạnh, để cùng khai thác dịch vụ. Triển khai tốt chính sách Loyalty của Cảng, đẩy mạnh phát triển các dịch vụ logistics bên ngoài tại khu vực Đồng Nai như: dịch vụ vận tải vòng ngoài, vận tải đa phương thức, vận chuyển liên vận; TTHQ.

Bốn là, đầu tư mở rộng diện tích kho hàng, mở rộng quy mô kinh doanh, khai thác hiệu quả đầu tư xây dựng như kế hoạch đầu tư nêu trên.

Năm là, tiếp tục đầu tư các ứng dụng CNTT vào quản trị, vào SXKD, phát huy các kết quả ứng dụng CNTT năm 2020, góp phần cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản trị và tăng CLDV

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): không phát sinh*

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Công ty thực hiện tốt và bảo đảm các chỉ tiêu môi trường theo quy định pháp luật môi trường

Công ty luôn tôn trọng các quy định, bảo vệ và kiểm soát môi trường do các cơ quan quản lý quy định trong hoạt động kinh doanh của mình và quyết tâm thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung của cam kết bảo vệ môi trường, thực hiện các chương trình giám sát môi trường

Kết quả đo đạc chất lượng môi trường không khí và kết quả phân tích các thông số ô nhiễm trong nước thải cho thấy chất lượng môi trường tại ICD Tân Cảng Long Bình là khá tốt, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải.

Công ty luôn tiếp tục, duy trì công tác bảo vệ môi trường, thực hiện tốt công tác giám sát định kỳ chất lượng môi trường tại cảng, phân loại chất thải rắn từ nguồn, thu gom, vận chuyển và hạn chế tối đa các tác động trong hoạt động sản xuất đến môi trường, duy trì tốt thảm xanh trong khuôn viên ICD.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Sự tồn vinh của một doanh nghiệp được xây dựng trên nền tảng tư duy quản lý khác biệt, linh hoạt, và tích cực của đội ngũ quản lý cấp cao và cấp trung cùng chất lượng ổn định của nguồn nhân lực. Sự trưởng thành của mỗi doanh nghiệp được tạo nên không chỉ bởi sự tác động đa chiều trên thương trường, mà còn là tổng hợp của sức mạnh từ các nguồn lực hiện có: nguồn lực tài nguyên cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, nguồn tài chính, kinh nghiệm, đặc biệt là nguồn nhân lực

Tuy vậy, sự tiến triển đều đặn của Công ty trong hành trình ngắn hạn tất yếu sẽ đem đến hệ quả là sự thỏa hiệp hoặc tự bằng lòng với những thành quả hiện có, và không còn tạo được những biến chuyển mang giá trị đột phá, hay những khúc quanh quan trọng đưa Công ty lên một vị thế hoàn toàn mới.

Trong năm 2020 và các giai đoạn tiếp theo, Công ty tiếp tục thực hiện các công tác bảo đảm nguồn lực cho sự phát triển của công ty khi mở rộng và phát triển nhiều dịch vụ mới:

Tuyển dụng và thu hút nguồn nhân lực đáp ứng với hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị: Thực hiện theo chính sách của TCT, các trường hợp tuyển dụng phải bảo đảm “chuẩn đầu vào” của Công ty và phù hợp với sự cần thiết theo nhu cầu công việc; Đối với các vị trí đòi hỏi có trình độ chuyên môn cao, đơn vị tổ chức tuyển dụng rộng rãi, nhằm thu hút nhân sự chất lượng cao đồng thời có chính sách đặc thù dành cho lao động chất lượng cao này. Tập trung ưu tiên cho nhân lực: khối kinh doanh (Sale, CSKH), khối kiểm soát và tuân thủ. Gắn tuyển dụng với kế hoạch kinh doanh, đầu tư.

Xây dựng, sử dụng nguồn nhân lực hợp lý: đổi mới sắp xếp lại tổ chức biên chế, bao gồm các khối: khối kinh doanh – tài chính, khối vận hành, khối hỗ trợ, bảo đảm; Khối kiểm soát và tuân thủ; Thiết lập Bảng tiêu chuẩn công việc trong Hệ thống chức danh của Công ty, một nhân sự tinh thông công tác chuyên môn chính, và đảm nhiệm tốt các nhiệm vụ khác khi cần. Xây dựng đội ngũ nhân sự

chất lượng cao (về nghiệp vụ kho - bãi, thông thạo ngoại ngữ, kỹ năng quản lý, điều hành và ứng dụng CNTT trong nghiệp vụ, kiến thức pháp lý và tài chính) cho các dự án, các chuỗi logistics phân phối và trao quyền chủ động, chịu trách nhiệm cho Nhóm trưởng và xây dựng chế độ đi kèm dành cho sự tiên phong đó. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị, giao việc, quy trình, minh bạch, công khai rõ ràng các chế độ cho Người lao động; hệ thống cảnh báo trong thực hiện chức năng nhiệm vụ của từng Phòng, từng Người lao động; kênh đối thoại cho Người lao động đối với Công ty, trao đổi các nghiệp vụ....

Giữ và phát triển nguồn nhân lực: Công tác huấn luyện đào tạo: Xây dựng các phương pháp đào tạo và phát triển nhân viên theo thực tiễn, song song đó mở các khóa kỹ năng, văn hóa, thể dục... hướng đến lối sống tích cực, lạc quan, tư duy mở,... Thực hiện đánh giá sau đào tạo: đánh giá chất lượng nhân quản lý cấp trung, xác định mức độ thâm thấu kiến thức, xác định được nhân sự có tư tưởng cầu tiến và luôn học hỏi để hoàn thiện; Chế độ đãi ngộ lương thưởng: vận hành phù hợp với tình hình đơn vị trên cơ sở các chính sách về thu nhập NLĐ từ TCT.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Trong năm 2020, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Công ty đã có nhiều giải pháp, chính sách phù hợp với định hướng, chỉ đạo của HĐQT để kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc của Công ty, đặc biệt các giải pháp kinh doanh và nhiệm vụ bảo đảm an toàn đơn vị trước ảnh hưởng của dịch Covid 19.

Công ty đã thực hiện mở rộng và cung cấp giải pháp logistics đa dạng cho khách hàng, nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty cũng như kết nối đồng bộ với giải pháp logistics trong toàn hệ thống Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn; đồng thời phải chú trọng phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là cấp quản lý và đội ngũ chuyên trách cho các dịch vụ kho phân phối (DC) và dịch vụ cảng ICD LB trong năm 2020.

Kết quả Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch so với Nghị quyết ĐHCĐ 2020 thông qua, với chỉ tiêu cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Tăng giảm
1	Tổng doanh thu	459.880.863.710	420.816.734.026	9,28%
2	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	85.837.608.224	81.819.126.340	4,91%
3	Lợi nhuận sau thuế	69.268.439.101	65.345.150.907	6,00%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2020)

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị đối với hoạt động của Ban điều hành

Ban điều hành đã triển khai đầy đủ các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020, triển khai thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông từ ngày 15/07/2020, xây dựng và trình Hội đồng quản trị các quy chế quản lý và hoạt động của Công ty (Gồm Quy chế hoạt động công ty, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế đầu tư, Quy chế mua sắm, Quy chế quản lý công nợ, Quy chế quản lý tài sản cố định, Quy chế hoạt động của Người đại diện phần vốn góp tại các doanh nghiệp), triển khai các hoạt động kinh doanh theo kịch bản Covid 19 và thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch Covid theo hướng dẫn của Chính phủ, các cấp chính quyền địa phương, bảo đảm an toàn và duy trì hoạt động kinh doanh công ty liên tục, bảo đảm việc làm và thu nhập ổn định cho Người lao động, kết quả năm 2020 Công ty đạt kết quả vượt kế hoạch theo Nghị quyết đã đề ra.

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban giám đốc trong bảo đảm ổn định và duy trì tăng trưởng trong thời gian qua, đã triển khai ứng dụng CNTT và bắt đầu thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản trị điều hành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Thực hiện công bố cảng cạn Tân Cảng Long Bình và mở rộng các dịch vụ mới cho công ty. Tiếp tục mở rộng các dịch vụ giá trị gia tăng với khách hàng hiện hữu, nghiên cứu thị trường và triển khai xây dựng kho phân phối chuyên nghiệp; triển khai các mô hình kho chuyên dụng, đặc thù (kho quản chấp, kho chứa nguyên vật liệu trong ngành xăng dầu, kho triển lãm các sản phẩm gỗ và công nghiệp trang trí nội thất...).

Duy trì tỷ lệ khai thác kho bình quân từ 90% trở lên.

- Đổi mới cơ cấu tổ chức quản trị và điều hành theo đó: Chủ tịch HĐQT công ty sẽ làm việc chuyên trách

- Tuân thủ quy định quản trị nội bộ công ty nghiêm ngặt

- Ứng dụng CNTT trong mọi hoạt động của công ty: từ hoạt động dịch vụ cảng đến kho hàng, quản trị nguồn lực và hiệu quả làm việc; kết nối với khách hàng về việc tiếp nhận đánh giá chất lượng dịch vụ, hướng đến đem lại chất lượng vượt mong đợi của khách hàng....

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ (đại diện tổ chức)	Số CP nắm giữ (cá nhân)
Trần Triệu Phú	Chủ tịch HĐQT	8.820.808	120.750
Phan Anh Tuấn	Thành viên	3.754.192	0

Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ (đại diện tổ chức)	Số CP nắm giữ (cá nhân)
Phạm Duy Tân	Thành viên	0	0
Hoàng Thị Hiền	Thành viên	1.875.000	0
Cao Ngọc Đức	Thành viên	0	40.005

(Tính đến 31/12/2020)

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: ./.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, HĐQT đã bảo đảm lịch sinh hoạt định kỳ, thực hiện tốt dân chủ trong các cuộc họp. Ngoài ra, HĐQT công ty còn tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của HĐQT bằng văn bản để giải quyết kịp thời những phát sinh và việc lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ công ty, và Luật doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị nhấn mạnh, việc hoàn thiện thủ tục pháp lý, là cơ sở bảo đảm cho việc mở rộng và cung cấp giải pháp logistics đa dạng cho khách hàng, nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty cũng như kết nối đồng bộ với giải pháp logistics trong toàn hệ thống Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn; đồng thời phải chú trọng phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là cấp quản lý và đội ngũ chuyên trách cho các dịch vụ kho phân phối (DC) và dịch vụ cảng ICD trong năm 2020; ngoài ra tăng cường công tác quản trị thông qua thành lập Ban kiểm toán nội bộ cho năm 2020.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị./.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:./.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Trưởng ban: Nguyễn Đức Khiêm

Thành viên: Trần Nghĩa Sĩ

b) Hoạt động của Ban kiểm soát.

Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của mình trong việc kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh năm 2020 của Công ty. Cụ thể:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp

và Điều lệ Công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý.

- Kiểm soát công tác tài chính kế toán, báo cáo tài chính quý, bán niên và năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động,... của Công ty; kiểm soát doanh thu, chi phí và thẩm tra báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông.

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự họp tất cả các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội đồng cổ đông.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận của Công ty;

- Thẩm định tiền lương kế hoạch và tiền lương thực hiện của Công ty theo đúng quy định;

- Giám sát công tác công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán;

- Đề xuất ĐHĐCĐ phê duyệt phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm;

- Tham gia các phiên họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị Công ty;

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban kiểm soát để soát xét, thảo luận và đánh giá các mặt hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Hội đồng quản trị:

STT	Tên	Chức vụ	Lương, thưởng /Thù lao	Ghi chú
1	Trần Triệu Phú	Chủ tịch HĐQT	826.780.250	Tiền lương, thưởng
2	Phạm Duy Tân	Thành viên	52.000.000	Thù lao, thưởng
3	Phan Anh Tuấn	Thành viên	674.102.060	Tiền lương, thưởng
4	Hoàng Thị Hiền	Thành viên	52.000.000	Thù lao, thưởng
5	Cao Ngọc Đức	Thành viên	52.000.000	Thù lao, thưởng

Ban kiểm soát:

STT	Tên	Chức vụ	Mức thù lao	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Khiêm	Trưởng ban	436.944.140	Trưởng ban chuyên trách
2	Trần Nghĩa Sĩ	Thành viên	17.000.000	TV không chuyên trách

Ban giám đốc

STT	Tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Ghi chú
1	Phan Anh Tuấn	Giám đốc	674.102.060	Tiền lương, thưởng Đã báo cáo ở mục thành viên HĐQT
2	Đoàn Thị Hằng	Phó giám đốc	606.856.560	
3	Đoàn Hồng Phương	Phó giám đốc	596.360.760	

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2020)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phan Anh Tuấn	Người nội bộ	20.000	0,08%	0	0%	Chuyển nhượng
2	Phạm Duy Tân	Người nội bộ	10.000	0,04%	0	0%	Chuyển nhượng
3	Nguyễn Đức Khiêm	Người nội bộ	68.600	0,28%	23.600	0,10%	Chuyển nhượng
4	Đoàn Thị Hằng	Người nội bộ	28.000	0,11%	5.000	0,02%	Chuyển nhượng
5	Lê Quỳnh Quang	Người nội bộ	17.894	0,07%	4	0%	Chuyển nhượng
6	Ngô Quốc Tuấn	Người nội bộ	13.500	0,06%	0	0%	Chuyển nhượng
7	Cao Minh Chuyên	Người có liên quan	2.980	0,01%	19.680	0,08%	Nhận chuyển nhượng
8	Trần Nghĩa Sĩ Diện	Người có liên quan	0	0	30.000	0,12%	Nhận chuyển nhượng
9	Trần Nghĩa Sĩ Thoại	Người có liên quan	0	0	30.000	0,12%	Nhận chuyển nhượng
10	Vũ Thị Tuyết	Người có liên quan	2.733	0,01%	3	0%	Chuyển nhượng

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ, người có liên quan

STT	Tên	Mối quan hệ với công ty	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, mã số doanh nghiệp 0300514849	Cổ đông lớn	722 Điện Biên Phủ, P.22, Quận Bình Thạnh, TPHCM	01/01/2020-31/12/2020	Cung cấp dịch vụ logistics, xếp dỡ, cơ sở hạ tầng	Hợp đồng nguyên tắc, báo cáo cụ thể trong BTCT năm
2	Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, người quản lý khác, Người phụ trách	Người nội bộ		01/01/2020-31/12/2020	Thu nhập tiền lương, tiền công, thù lao, thưởng	Ghi nhận trong Báo cáo tài chính năm
3	CTCP Tiếp vận Thành Long	Công ty con	3602427771	01/01/2020-31/12/2020	Cổ tức, lợi nhuận được nhận được từ góp vốn Dịch vụ kho bãi	Hợp đồng nguyên tắc, báo cáo cụ thể trong BTCT năm
4	CTCP Đầu tư ICD Tân Long	Công ty liên kết	3603419910	01/01/2020-31/12/2020	Cung cấp dịch vụ cho thuê kho. Cổ tức, lợi nhuận được nhận được từ góp vốn	Hợp đồng nguyên tắc, báo cáo cụ thể trong BTCT năm

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng – STC	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ

Bên liên quan khác**Mối quan hệ**

Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh

Công ty thuộc hệ thống của Công ty mẹ

Ngân hàng TMCP Quân đội

Công ty mẹ của Công ty Công Ty TNHH Quản Lý Nợ Và Khai Thác Tài Sản Ngân Hàng Tmcp Quân Đội

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: bảo đảm thực hiện quy định quản trị công ty. Công ty lưu ý về công tác đào tạo và thực hiện các quy định quản trị áp dụng năm 2021.

VI. Báo cáo tài chính**1. Ý kiến kiểm toán**

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A & C)

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Công ty và Công ty con”), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2021, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc

nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		261.402.477.395	308.760.541.133
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	147.227.635.195	88.769.441.384
1. Tiền	111		81.727.635.195	53.269.441.384
2. Các khoản tương đương tiền	112		65.500.000.000	35.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		113.054.467.595	211.147.928.579
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	99.734.885.156	204.125.390.690
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	-	678.285.606
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	14.423.988.179	7.020.423.243
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(1.104.405.740)	(676.170.960)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	(-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.120.374.605	8.843.171.170
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.120.374.605	474.910.635
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	8.368.260.535
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.178.086.014.180	1.195.165.044.086
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		630.000.000	630.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	630.000.000	630.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		774.163.512.636	786.182.823.634
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	773.742.495.137	785.958.203.072
- Nguyên giá	222		1.167.043.705.402	1.119.051.288.001
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(393.301.210.265)	(333.093.084.929)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	421.017.499	224.620.562
- Nguyên giá	228		1.729.271.400	817.384.400
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.308.253.901)	(592.763.838)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	20.101.850.936	20.414.844.286
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20.101.850.936	20.414.844.286
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	7.238.210.000	7.238.210.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.238.210.000	7.238.210.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		375.952.440.608	380.699.166.166

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	375.702.990.276	380.443.049.011
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	249.450.332	256.117.155
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.439.488.491.575	1.503.925.585.219
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		996.680.803.176	1.075.413.972.775
I. Nợ ngắn hạn	310		307.558.633.897	315.639.293.419
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	138.183.053.389	149.981.828.985
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.696.231	4.998.174
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	9.770.294.639	7.709.650.026
4. Phải trả người lao động	314		7.476.203.233	3.921.666.400
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	7.952.619.129	800.397.596
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15a	3.596.545.728	3.596.545.728
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	64.918.304.963	85.604.058.123

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	73.157.430.368	60.688.279.318
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	2.497.486.217	3.331.869.069
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		689.122.169.279	759.774.679.356
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15b	132.759.955.529	136.356.590.021
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	258.206.653.810	263.739.185.625
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	298.155.559.940	359.678.903.710
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		442.807.688.399	428.511.612.444
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	442.807.688.399	428.511.612.444
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		245.022.450.000	245.022.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		245.022.450.000	245.022.450.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		93.986.186.492	84.773.845.798
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		69.715.198.510	66.507.523.921

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		14.158.370.941	66.507.523.921
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		55.556.827.569	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		34.083.853.397	32.207.792.725
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.439.488.491.575	1.503.925.585.219

BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	455.588.881.893	418.163.058.976
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		455.588.881.893	418.163.058.976
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	297.684.533.498	266.129.802.169
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		157.904.348.395	152.033.256.807
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.893.341.022	2.642.961.858
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	34.297.234.835	29.166.059.678
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		32.905.321.727	28.822.468.532
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.681.769.294	3.315.253.221
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	39.027.299.414	39.773.262.205
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}	30		85.791.385.874	82.421.643.561
12. Thu nhập khác	31	VI.7	398.640.795	10.713.192
13. Chi phí khác	32	VI.8	352.418.445	613.230.413
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		46.222.350	(602.517.221)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		85.837.608.224	81.819.126.340
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.13	16.562.502.300	16.730.092.588
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		6.666.823	(256.117.155)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		69.268.439.101	65.345.150.907
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		63.712.957.569	60.155.942.302
20. Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát	62		5.555.481.532	5.189.208.605
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		2.097	2.112
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		2.097	2.112

BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			-	-
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>		85.837.608.224	81.819.126.340
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9.10	60.923.615.399	54.279.492.519
Các khoản dự phòng	03		428.234.780	528.457.092

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	179.339.224	(7.543.548)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(2.899.683.289)	(2.354.468.998)
Chi phí lãi vay	06	VI.4	32.905.321.727	28.822.468.532
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			177.374.436.065	163.087.531.937
trước thay đổi vốn lưu động	08		106.332.994.160	(62.249.878.136)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		-	-
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(29.354.530.146)	175.818.488.657
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.094.594.765	(65.428.118.406)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(32.509.376.539)	(28.831.917.939)
Tiền lãi vay đã trả	14		(17.397.980.820)	(15.538.331.924)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	10.000.000	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.19	(15.673.378.498)	(10.520.499.920)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	192.876.758.988	156.337.274.269
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			(48.591.311.051)	(163.696.958.545)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.779.358.631	2.365.804.615
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(45.811.952.420)	(161.331.153.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		11.634.086.598	109.969.557.879
Tiền thu từ đi vay	33	V.18	(60.688.279.318)	(57.989.723.418)
Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	-	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(39.285.346.870)	(48.476.972.385)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(88.339.539.590)	3.502.862.076
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		58.725.266.978	(1.491.017.585)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		88.769.441.384	90.260.484.687
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	(267.073.167)	(25.718)
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		147.227.635.195	88.769.441.384

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1		

(*) Thuyết minh báo cáo tài chính kiểm toán (đính kèm theo báo cáo tài chính hợp nhất)

Toàn văn báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất được đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty: www.icdlongbinh.com (mục quan hệ cổ đông/Báo cáo tài chính)

XÁC NHẬN
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY ✓



GIÁM ĐỐC
Phan Anh Tuấn